

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-ST

Ngày 18-12-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

2. Ông Y Tha Mlô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị H.

Địa chỉ: Số nhà 2xx, đường H, tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Chu Thị H: Ông Trương L (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 2xx, đường H, tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Kiên Tr (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà xx, đường T, tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bà Phan Thị G (tên gọi khác: Ph) (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Trương L trình bày:

Bà Chu Thị H với vợ chồng ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G có mối quan hệ là chỗ quen biết. Vào ngày 03/12/2013, bà H có cho ông Tr và bà G vay số tiền 16.000.000 đồng, ngày 12/01/2015 vay số tiền 104.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2000 đồng/1triệu đồng/ngày. Hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 12/01/2015. Phía dưới Giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của bà Phan Thị G và ông Bùi Kiên Tr. Theo Giấy vay tiền ngày 12/01/2015 thì hai bên không thỏa thuận ngày trả tiền. Đối với số tiền 104.000.000 đồng ông Tr và bà G đã trả cho bà H. Còn số tiền 16.000.000 đồng, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Tr và bà G trả nợ cho bà H nhưng ông Tr và bà G cố tình trốn tránh không trả nợ cho bà H. Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G trả cho bà H số tiền gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi suất là 8.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Tr và bà G trả cho bà H số tiền gốc 16.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị G trình bày:

Bà G và ông Tr đã ly hôn theo Bản án số 09/2016/HNGĐ-ST ngày 06/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bà G đồng ý với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn. Bà G thừa nhận đây là khoản nợ chung của bà và ông Tr trong thời kỳ hôn nhân. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà và ông Tr trả nợ cho bà H 16.000.000 đồng thì bà đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay ông Tr là người đang quản lý, sử dụng tài sản chung giữa bà và ông Tr nên đề nghị Tòa án buộc một mình ông Tr sử dụng tài sản chung của bà và ông Tr trả nợ cho bà H.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Trương L trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bà G về việc đề nghị Tòa án buộc một mình ông Tr sử dụng tài sản chung của bà G và ông Tr trả nợ cho bà H vì đây là nợ chung của ông

Tr và bà G nên nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc ông Tr và bà G cùng trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị H.

Buộc ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G liên đới trả cho bà Chu Thị H số tiền 16.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Bùi Kiên Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định “Giấy vay tiền” lập ngày 12/01/2015 thể hiện người đứng tên vay của bà Chu Thị H số tiền 16.000.000 đồng, thỏa thuận lãi

suất 2000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, không thỏa thuận thời hạn trả nợ là ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G, người vay ký nhận là ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G. Như vậy, giữa các bên đã ký kết hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hai bên thỏa thuận hợp đồng vay không kỳ hạn, bà H đã yêu cầu ông Tr và bà G trả nợ nhiều lần nhưng ông Tr và bà G cố tình trốn tránh không trả nợ cho bà H là vi phạm về nghĩa vụ của người vay được quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Theo kết quả Kết luận giám định số 157/KLGD-PC09 ngày 20/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thì chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Kiên Tr dưới mục “Người vay tiền” trong Giấy vay tiền đề ngày 12/01/2015 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Kiên Tr trong tài liệu mẫu giám định là Giấy triệu tập đương sự Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar đề ngày 10/8/2020 người nhận đứng tên Bùi Kiên Tr và Biên bản giao văn bản tố tụng đề ngày 10/8/2020 người nhận đứng tên Bùi Kiên Tr, là do cùng một người ký và viết ra.

Vì vậy, đã có đủ cơ sở buộc ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G trả cho bà Chu Thị H số tiền gốc đã vay là 16.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Xét thấy, bà Chu Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Tr và bà G trả số tiền lãi suất là tự nguyện đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ngày 06/5/2016, ông Tr và bà G đã được Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar giải quyết ly hôn theo Bản án số 09/2016/HNGĐ-ST. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

[5] Đối với yêu cầu của bà G đề nghị Tòa án buộc một mình ông Trung sử dụng tài sản chung của bà và ông Tr trả nợ cho bà H. Tuy nhiên, yêu cầu của bà G không được người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ pháp lý nên chấp nhận.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G phải chịu án phí theo quy định, cụ thể: 16.000.000 đồng x 5% = 800.000 đồng.

Nguyên đơn bà Chu Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Chi phí giám định là 3.600.000 đồng do nguyên đơn bà Chu Thị H tạm nộp, kết quả giám định phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu mà bị đơn ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G phải chịu số tiền này. Bị đơn ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà Chu Thị H số tiền 3.600.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị H.

Buộc ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà Chu Thị H số tiền 16.000.000 đồng.

[2] Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn cho đến khi bị đơn thi hành án xong, bên bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G phải chịu 800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Chu Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai thu số AA/2019/0004550 ngày 04/5/2020.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G phải chịu 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Chu Thị H được nhận lại số tiền

3.600.000 đồng chi phí giám định khi thu được từ ông Bùi Kiên Tr và bà Phan Thị G.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Nở